**Hướng dẫn vẽ và nhận xét chi tiết Biểu đồ miền**

**Dấu hiệu nhận biết**

Bạn sẽ thường hay nhầm lẫn giữa vẽ biểu đồ miền và biểu đồ tròn, tuy nhiên 2 loại này sẽ có những dấu hiệu nhận biết nhất định.

Biểu đồ miền còn được gọi là biểu đồ diện. Loại biểu đồ này thể hiện được cả cơ cấu và động thái phát triển của các đối tượng. Toàn bộ biểu đồ là 1 hình chữ nhật (hoặc hình vuông ), trong đó được chia thành các miền khác nhau

Chọn vẽ biểu đồ miền khi cần thể hiện cơ cấu tỉ lệ. Để xác định vẽ biểu đồ miền, với số liệu được thể hiện trên 3 năm (nghĩa là việc vẽ tới 4 hình tròn như thông thường thì ta lại chuyển sang biểu đồ miền). Vậy số liệu đã cho cứ trên 3 năm mà thể hiện về cơ cấu thì vẽ biểu đồ miền.

Dấu hiệu: **Nhiều năm, ít thành phần**

**Các bước tiến hành khi vẽ biểu đồ miền**

Bước 1 : Vẽ khung biểu đồ.

- Khung biểu đồ miễn vẽ theo giá trị tương đối thường là một hình chữ nhật. Trong đó được chia làm các miền khác nhau, chồng lên nhau. Mỗi miền thể hiện một đối tượng địa lí cụ thể.

- Các thời điểm năm đầu tiên và năm cuối cùng của biểu đồ phải được năm trên 2 cạnh bên trái và phải của hình chữ nhật, là khung của biểu đồ.

- Chiều cao của hình chữ nhật thể hiện đơn vị của biểu đồ, chiều rộng của biểu đồ thường thể hiện thời gian (năm).

- Biều đồ miền vẽ theo giá trị tuyệt đối thể hiện động thái, nên dựng hai trục – một trục thể hiện đại lượng, một trục giới hạn năm cuối (dạng này ít, thông thường chỉ sử dụng biểu đồ miền thể hiện giá trị tương đối).

Bước 2: Vẽ ranh giới của miền. Lấy năm đầu tiên trên trục tung, phân chia khoảng cách năm theo tỉ lệ tương ứng.

Bước 3 : Hoàn thiện biểu đồ. Ghi số liệu vào đúng vị trí từng miền trong biểu đồ đã vẽ.



Toàn bộ biểu đồ miền là 1 hình chữ nhật (hoặc hình vuông ), trong đó được chia thành các miền khác nhau

**Một số dạng biểu đồ miền thường gặp :**

+ Biểu đồ miền chồng nối tiếp

+Biểu đồ chồng từ gốc tọa độ

**Lưu ý :** Trường hợp bản đồ gồm nhiều miền chồng lên nhau , ta vẽ tuần tự từng miền theo thứ tự từ dưới lên trên .Việc sắp xếp thứ tự của các miền cần lưu ý sao cho có ý nghĩa nhất đồng thời cũng phải tính đến tính trực quan và tính mĩ thuật của biểu đồ .Khoảng cách cấc năm trên cạnh nằm ngang cần đúng tỉ lệ . Thời điểm năm đầu tiên nằm trên cạnh đứng bên trái của biểu đồ . Nếu số liệu của đề bài cho là số liệu thô (số liệu tuyệt đối ) thì trước khi vẽ cần xử lí thành số liệu tinh (số liệu theo tỉ lệ %).

**Cách nhận xét**

- Nhận xét chung toàn bộ bảng số liệu: Nhìn nhận, đánh giá xu hướng chung của số liệu.

- Nhận xét hàng ngang trước: Theo thời gian yếu tố a tăng hay giảm, tăng giảm như thế nào, tăng giảm bao nhiêu? Sau đó đến yếu tố b tăng hay giảm … yếu tố c (mức chênh lệch)

- Nhận xét hàng dọc: Yếu tố nào xếp hạng nhất, nhì, ba và có thay đổi thứ hạng hay không?

- Tổng kết và giải thích.

Quan sát xu hướng chung:

Đầu tiên, nhìn tổng quát toàn bộ biểu đồ để xác định xu hướng chính của các thành phần. Thành phần nào có xu hướng tăng, giảm hoặc giữ ổn định qua các năm.

Ví dụ:

"Từ năm 2000 đến 2020, cơ cấu kinh tế Việt Nam có sự chuyển dịch rõ rệt. Ngành nông nghiệp giảm dần qua các năm, trong khi ngành công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng mạnh. Điều này cho thấy sự chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế hiện đại, chú trọng công nghiệp và dịch vụ."

Tóm tắt biến động:

Nêu mức độ biến động lớn hay nhỏ của các thành phần.

Ví dụ:

"Tỷ trọng nông nghiệp giảm mạnh từ 60% xuống 20% trong 20 năm, tương ứng mức giảm 40%. Ngược lại, công nghiệp tăng từ 20% lên 40%, và dịch vụ cũng tăng từ 20% lên 40%, mỗi ngành tăng 20%."

2. Nhận xét hàng ngang (theo thời gian)

Phân tích từng yếu tố:

So sánh sự thay đổi của từng thành phần qua các năm, nêu rõ mức tăng/giảm và tốc độ thay đổi.

Ví dụ:

"Ngành nông nghiệp: Từ năm 2000 đến 2020, tỷ trọng giảm từ 60% xuống 40% (năm 2010), và tiếp tục giảm còn 20% (năm 2020). Tổng cộng giảm 40%, trung bình mỗi năm giảm 2%."

"Ngành công nghiệp: Tăng từ 20% (năm 2000) lên 30% (năm 2010) và tiếp tục tăng lên 40% (năm 2020). Tổng cộng tăng 20% trong 20 năm, trung bình tăng 1% mỗi năm."

"Ngành dịch vụ: Tăng từ 20% (năm 2000) lên 30% (năm 2010), sau đó tăng lên 40% (năm 2020). Tổng cộng tăng 20% trong 20 năm, trung bình tăng 1% mỗi năm."

Tính toán mức chênh lệch:

So sánh mức tăng/giảm giữa các thành phần để tìm ra yếu tố có sự thay đổi mạnh nhất hoặc ít nhất.

Ví dụ:

"Ngành nông nghiệp có mức giảm lớn nhất (40%), trong khi công nghiệp và dịch vụ có mức tăng tương tự (20%)."

3. Nhận xét hàng dọc (thứ hạng)

Xếp hạng theo từng năm:

So sánh tỷ trọng của các thành phần trong cùng một năm để xác định yếu tố nào chiếm tỷ trọng lớn nhất, nhỏ nhất.

Ví dụ:

"Năm 2000, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất (60%), công nghiệp đứng thứ hai (20%), và dịch vụ xếp cuối (20%)."

"Năm 2020, dịch vụ và công nghiệp vươn lên dẫn đầu (mỗi ngành 40%), trong khi nông nghiệp tụt xuống vị trí cuối cùng (20%)."

Thay đổi thứ hạng:

Nhấn mạnh sự thay đổi về thứ tự giữa các ngành qua các năm.

Ví dụ:

"Năm 2000, nông nghiệp là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất, nhưng đến năm 2020, ngành dịch vụ đã vươn lên dẫn đầu cùng với công nghiệp. Đây là sự thay đổi rõ nét, phản ánh quá trình hiện đại hóa kinh tế."

4. Tổng kết và giải thích

Kết luận xu hướng:

Tóm gọn xu hướng chung và những thay đổi nổi bật nhất.

Ví dụ:

"Cơ cấu kinh tế Việt Nam trong 20 năm qua cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Điều này thể hiện nền kinh tế đang chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa."

Giải thích nguyên nhân:

Đưa ra nguyên nhân của sự thay đổi dựa trên bối cảnh thực tế (chính sách kinh tế, quá trình hội nhập quốc tế,...).

Ví dụ:

"Sự giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp là kết quả của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế. Ngành dịch vụ tăng mạnh nhờ chính sách phát triển du lịch, thương mại và tài chính. Ngành công nghiệp cũng phát triển nhờ thu hút đầu tư nước ngoài và mở rộng sản xuất."

Ý nghĩa xu hướng:

Phân tích tác động của sự thay đổi đến kinh tế, xã hội.

Ví dụ:

"Chuyển dịch cơ cấu kinh tế giúp Việt Nam nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập quốc dân. Tuy nhiên, sự suy giảm ngành nông nghiệp đòi hỏi các chính sách bảo vệ môi trường và hỗ trợ phát triển nông thôn để đảm bảo sự cân bằng bền vững."

Ví dụ Hoàn Chỉnh Nhận Xét Biểu Đồ Miền:

"Biểu đồ miền thể hiện cơ cấu kinh tế Việt Nam qua các năm (2000, 2010, 2020) cho thấy sự chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp giảm mạnh từ 60% năm 2000 xuống còn 20% năm 2020, giảm 40% trong 20 năm. Ngược lại, công nghiệp tăng từ 20% lên 40%, và dịch vụ tăng từ 20% lên 40%, mỗi ngành tăng 20%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất (60%), nhưng đến năm 2020, công nghiệp và dịch vụ đã vươn lên dẫn đầu (40% mỗi ngành). Sự chuyển dịch này phản ánh quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, với sự gia tăng đầu tư vào công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, cần chú ý đến sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và hỗ trợ ngành nông nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu."